TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/DS-PT
Ngày: 20-3-2018
Về việc: Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Khải
Các Thẩm phán: 1/. Ông Phạm Hùng Nuôi
2/. Ông Nguyễn Khánh hùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Trần Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2018 về việc "Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2017/DS-ST ngày 26-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lâm C, sinh năm 1953, địa chỉ: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh S (có mặt).

Người đại diện hợp pháp: Bà Lâm Thị Thúy H1, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện M, tỉnh S, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn C, theo Văn bản ủy quyền ngày 20-01-2015 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh D, Luật sư Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Đào Thị Lài S1, sinh năm 1957, địa chỉ: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh S (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Chấn H2, sinh năm 1966, địa chỉ: đường T, khóm T, Phường X, thành phố S, tỉnh S, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn S, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 03-9-2013 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/. Ông Lý Minh T, sinh năm 1988, địa chỉ: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh S (có mặt).

2/. Bà Đào Thị Lài S2, sinh năm 1950, địa chỉ: ấp B, xã, huyện M, tỉnh S (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Lý Minh T (như trên), là người đại diện theo ủy quyền của bà S2, theo Văn bản ủy quyền ngày 19-5-2015.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lâm C (thông qua người đại diện hợp pháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 11 năm 2013 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lâm C và người đại diện theo ủy quyền của ông C trình bày:

Năm 1978, ông Đào R chuyển nhượng cho ông Lâm C phần đất tọa lạc ấp B, xã T, huyện M, tỉnh S, hướng Nam từ lộ xe đến cái mương ngang phía sau, hướng Tây đến hướng Đông là từ nhà bà Nguyễn Thị L ngang tới nhà bà Nguyễn Thị N, không đo đạc nên không biết diện tích bao nhiêu. Hai bên không làm giấy tờ, không người làm chứng. Ông C đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09-7-1993, thửa số 335, tờ bản đồ số 9, diện tích 200m^2.

Ông C cất nhà ở từ đó cho đến năm 2002 thì nhà bị hư hỏng, nên ông C tháo dỡ cất lại nhà, vị trí sát vách với nhà mẹ vợ ông là bà Nguyễn Thị L nằm hướng Tây, sử dụng một phần thửa đất số 337 của bà L. Ông C để một phần đất trống ở hướng Đông. Khoảng tháng 02-2002, bà Đào Thị Lài S1 đến chiếm đất xây dựng nhà, ông C ngăn cản và chính quyền địa phương lập biên bản, nhưng bà S1 vẫn tiếp tục xây cất nhà. Ông C đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S để yêu cầu giải quyết buộc bà S1 giao trả phần đất trên, nhưng thời gian đó ông C đang thế chấp đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng để vay tiền, không thể nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, nên ông C đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 14-8-2003.

Năm 2013, bà S1 lấn chiếm thêm, tổng cộng hai lần bà S1 lấn chiếm khoảng 140m^2. Hiện nay bà S1 sử dụng phần đất này với con là ông Lý Minh T. Nay ông C yêu cầu bà S1 và ông T tháo dỡ nhà trả lại cho ông C phần đất đã chiếm 140m^2, với chiều dài hết đất.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 22-12-2013 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đào Thị Lài S1 và người đại diện theo ủy quyền của bà S1 trình bày:

Trước năm 1977, cha mẹ ruột của bà Đào Thị Lài S1 là ông Đào R và bà Thạch Thị N cho bà S1 phần đất ngang 5,5m và dài 70m, diện tích 385m^2, tọa lạc ấp B, xã T, huyện M. Việc cho tặng hai bên không làm giấy tờ. Năm 2000, bà S1 cất nhà bán kiên cố, năm 2003 thì cất kiên cố và sử dụng ổn định từ đó đến

nay. Ông C ngăn cản bà S1 cất nhà, chính quyền địa phương có lập biên bản, nhưng bà S1 vẫn cất vì đây là đất của cha mẹ bà S1 cho bà S1. Khi ông C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử sử dụng đất đối với thửa số 335 bà S1 không biết.

Năm 2008, ông R qua đời, nhưng bà N và các anh chị em của bà S1 đều công nhận phần đất này là của bà S1, do bà Đào Thị Lài S2 là con lớn nhất trong gia đình nên để bà S2 đăng ký cấp quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09-7-1993, thửa số 576.

Năm 2002, ông C tranh chấp đất với bà S1, sau đó rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, nên bà S1 mới xây dựng nhà hoàn chỉnh. Đến ngày 19-7-2013 (âm lịch), bà S1 xây, sửa chữa lại nhà thì ông C ngăn chặn. Lúc đó bà S1 đã thanh toán tiền cho hợp đồng công thợ và mua vật tư xong nên không đòi lại được. Phần đất tranh chấp hiện nay bà S1 và ông T đã cất nhà ở, còn chị Lý Thị Thanh D đã định cư ở nước ngoài nên không còn ở chung nhà nữa.

Bà S1 không đồng ý giao trả đất cho ông C. Bà S1 yêu cầu ông C bồi thường thiệt hại về vật tư 59.093.500 đồng và tiền công thợ 30.000.000 đồng do ông C ngăn chặn nên không xây dựng, sửa chữa nhà được.

Ngày 24-7-2017, bà S1 có đơn rút lại yêu cầu là không yêu cầu Tòa án buộc ông C bồi thường các khoản tiền nêu trên trong vụ án này.

- Ông Lý Minh T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị Lài S2, trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà S1. Lúc Tòa án thụ lý vụ án thì có mẹ ông là bà Đào Thị Lài S1 cất nhà ở cùng với ông và em của ông là chị Lý Thị Thanh D. Nhưng sau đó chị D đã đi định cư tại Đài Loan, nên hiện nay chỉ có bà S1 và ông sử dụng phần đất này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 49/2017/DS-ST ngày 26-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S đã quyết định như sau:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai; Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm C về việc buộc bị đơn bà Đào Thị Lài S1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lý Minh T tháo dỡ căn nhà trả lại phần đất lấn chiếm là 140m^2 trong tổng diện tích 200m^2, thửa số 335, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp B, xã T, huyện M, tỉnh S.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đào Thị Lài S1 về việc buộc nguyên đơn ông Lâm C bồi thường tài sản bị thiệt hại tổng cộng là 89.093.500 đồng (tám mươi chín triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm đồng),

trong đó gồm: Thiệt hại vật tư là 59.093.500 đồng (năm mươi chín triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm đồng) và tiền thuê mướn công thợ là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, chi phí trưng cầu cơ quan chuyên môn đo đạc, định vị phần đất tranh chấp, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06-10-2017, nguyên đơn ông Lâm C (thông qua người đại diện theo ủy quyền) kháng cáo không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Đào Thị Lài S1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Minh T và bà Lý Thị Thanh D giao trả cho nguyên đơn phần đất tranh chấp có diện tích 140m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm C không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 49/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S và quyết định hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2016/QĐ-BPKCTT, ngày 06-10-2016 của Tòa án cấp sơ thẩm, vì ban hành quyết định không đúng pháp luật là không buộc ông Lâm C phải thực hiện biện pháp bảo đảm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Lâm C khởi kiện yêu cầu gia đình bị đơn bà Đào Thị Lài S1 trả lại phần đất diện tích 140m^2, thuộc thửa số 335, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện M, tỉnh S, vì cho rằng phần đất trên là của nguyên đơn nhận chuyển nhượng của ông Đào R (cha của bị đơn S1) vào năm 1978 và nguyên đơn đã được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09-7-1993. Còn bị đơn Đào Thị Lài S1 thì không đồng ý giao trả đất tranh chấp vì cho rằng phần đất trên là do cha của nguyên đơn là ông Đào R (đã chết năm 2008) cho tặng bị đơn và bị đơn đã cất nhà ở từ năm 2002 đến nay.

[2] Xét thấy:

[3] Tại Công văn số 72/CV.PTNMT, ngày 17-8-2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M (được UBND huyện M ủy quyền trả lời cho Tòa án) trình bày với nội dung tóm tắt như sau: Năm 1992, ấp B, xã T, huyện M được đo đạc xây dựng bản đồ giải thửa tỷ lệ 1/5000 để phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân. Việc xây dựng bản đồ giải thửa bằng phương pháp thủ công, điều vẽ lại từ bản đồ 299 xây dựng từ năm 1984. Theo bản đồ giải thửa thì phần đất đang tranh chấp thuộc thửa số 336, tờ bản đồ số 9 do bà Phan Thị N đứng tên và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa số 335 do ông Lâm C đứng tên và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được vẽ trong khuôn viên đất của bà Phan Thị N. Tuy nhiên, kết quả xác minh tại thực địa, xác định phần đất bà Đào Thị Lài S1, ông Lý Minh T và bà Lý Thị Thanh D đang sử dụng thuộc phần đất gốc của ông Đào R (cha bà S1). Tháng 9-2013 bà S1 tranh chấp đất với bà N và đã được UBND huyện M ban hành Quyết định số 16/QĐKN-CTUBND, ngày 17-9-2013 công nhận hòa giải xác định ranh đất giữa gia đình ông Đào R (bà S1, bà S2) có ranh giới giáp nhau từ đường Tỉnh số 938 đến kinh hậu chứ không phải như bản đồ giải thửa lập năm 1992 thể hiện. Khi xây dựng bản đồ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm C, cán bộ đo đạc đối soát tại thực địa không chính xác nên vẽ sai ranh đất trên bản đồ và xác định sai loại đất; thửa số 335, tờ bản đồ số 9, diện tích 200m^2, loại đất 2L do ông Lâm C đứng tên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được vẽ trong khuôn viên đất của bà Phan Thị N. Như vậy, xác định vị trí đất của ông C được cấp giấy không đúng với vị trí đất ông C đang sử dụng. Thửa số 335 và thửa số 337 khi ông C và bà L đăng ký quyền sử dụng đất không đo đạc thực địa lập biên bản xác minh ranh giới, mốc giới thửa đất nên không có số đo từng cạnh của thửa đất. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cách tính diện tích thửa đất được thực hiện bằng phương pháp thủ công (dùng lưới ô vuông) để tính diện tích nên sai số lớn, do đó có sự chênh lệch diện tích giữa thực địa và diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục số 191-192).

[4] Trước đây, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M (được UBND huyện M ủy quyền trả lời cho Tòa án) đã ban hành Công văn số 195/CV.TN-MT, ngày 22-10-2014 (bút lục số 138) và Công văn số 124/CV.TN-MT, ngày 30-12-2014 (bút lục số 141), đều có nội dung: Phần đất của bà Đào Thị Lài S1 đang sử dụng thuộc thửa số 576, tờ bản đồ số 09 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ngày 07-9-2015 UBND huyện M đã ban hành Quyết định số 197/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Công văn số 95/CV,TN-MT, ngày 22-10-2014 và Công văn số 124/CV,TN-MT, ngày 30-12-2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M, với lý do: Các công văn nêu trên của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M trả lời cho Tòa án là phần đất bà Đào Thị Lài S1 đang sử dụng thuộc thửa số 576, tờ bản đồ số 09 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng (bút lục số 203).

[5] Như vậy, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là UBND huyện M xác định phần đất tranh chấp nêu trên giữa ông Lâm C và gia đình bà Đào Thị Lài S1 không nằm trong thửa số 335, tờ bản đồ số 9 như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện M đã cấp cho ông C vào ngày 09-7-1993. Ông C dựa vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp nêu trên để đòi gia đình bà S1 giao trả lại phần đất tranh chấp là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Mặt khác, nguyên đơn ông Lâm C cho rằng phần đất tranh chấp diện tích 140m^2, thuộc thửa số 335, tờ bản đồ số 9 nêu trên là do ông C nhận chuyển nhượng của ông Đào R vào năm 1978 và ông đã tiến hành đăng ký và đã được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1993, nhưng Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Lâm C ngày 21-12-1992 có trong hồ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục số 195) lại thể hiện thửa đất số 335 (và các thửa đất khác), tờ bản đồ số 9 có nguồn gốc là "Đất cha mẹ cho". Do đó, lời trình bày của ông C về việc phần đất tranh chấp có nguồn gốc do ông C nhận chuyển nhượng của ông Đào R (cha của bà S1) là không có căn cứ để chấp nhận. Hơn nữa, vào năm 2002, ông C đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S giải quyết buộc bà S1 giao trả lại phần đất tranh chấp, nhưng sau đó ông C đã rút lại đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S đã ra Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 05/ĐC ngày 14-8-2003. Từ đó, gia đình bà S1 đã sinh sống ổn định trên phần đất nêu trên từ năm 2003 đến năm 2013. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận sự việc Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án nêu trên, nhưng người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng lúc đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 335 đang thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền, không thể cung cấp cho Tòa án, nên ông Lâm C mới rút đơn khởi kiện.

[7] Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng tại Biên bản hòa giải ngày 22-3-2002 do Ban Nhân dân ấp B lập ông Đào R đã thừa nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp cho bà Lâm Thị H2 (mẹ của nguyên đơn C), nhưng tại Biên bản hòa giải nêu trên ông Đào R trình bày ý kiến là: "Vào năm 1985 tôi có sang cho bà Lâm Thị H2 bề ngang 5m cho bà H2 là mẹ của Lâm C để cất nhà, riêng phần còn lại rồi bà H2 có hỏi mướn phần đất còn lại có cho 1 giạ gạo" (bút lục số 109). Như vậy, ông R chỉ thừa nhận chuyển nhượng cho bà H2 phần đất bề ngang 5m (không rõ diện tích là bao nhiêu, vị trí đất ở đâu), phần còn lại thì cho bà H2 thuê, chứ ông R không thừa nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp cho bà H2.

[8] Ngoài ra, nguyên đơn ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh toàn bộ phần đất tranh chấp là do nguyên đơn nhận chuyển nhượng của ông Đào R vào năm 1978.

[9] Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm C về việc yêu cầu bị đơn Đào Thị Lài S1 và

những người khác trong gia đình của bị đơn S1 giao trả phần đất tranh chấp là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[10] Nguyên đơn ông C kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, kháng cáo của nguyên đơn ông C không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Trong quá trình giải quyết vụ án, do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị Thanh D đã đi định cư tại nước ngoài (Đài Loan - Trung Quốc), nên Tòa án cấp sơ thẩm không tiếp tục triệu tập chị D tham gia tố tụng trong vụ án nữa, là có căn cứ, đúng pháp luật, không vi phạm thủ tục tố tụng.

[12] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn ông Lâm C, ngày 06-10-2016 Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định số 01/2016/QĐ-BPKCTT về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là cấm bà Đào Thị Lài S1, anh Lý Minh T và bà Đào Thị Lài S2 thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp và Quyết định trên đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh S thi hành, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không buộc người yêu cầu là ông Lâm C phải thực hiện biện pháp bảo đảm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng dân sự, là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Tòa án cấp phúc thẩm sẽ quyết định hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm không phải là lý do để hủy bản án sơ thẩm như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị.

[13] Do đó, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc hủy bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trong thủ tục tố tụng, là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Các phần khác của bản án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[15] Về án phí phúc thẩm: Do ông Lâm C là người cao tuổi (65 tuổi) nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông C được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông C được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007264, ngày 09-10-2017.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và điểm đ khoản 1 Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 49/2017/DS-ST ngày 26-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S.

Bản án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm C về việc buộc bị đơn bà Đào Thị Lài S1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Minh T tháo đỡ nhà để trả lại phần đất lấn, chiếm là 140m^2 trong phần đất tổng diện tích 200m^2, thửa số 335, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện M, tỉnh S.

2/. Các phần khác trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm nêu trên không ghi trong phần Quyết định này, có hiệu lực pháp luật.

3/. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2016/QĐ-BPKCTT, ngày 06-10-2016 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S.

4/. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn ông Lâm C được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông C được nhận lại số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007264, ngày 09-10-2017.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Đức Khải

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.